**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014**

**Hòa thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng**

**TẬP 95**

Các vị pháp sư, các vị đồng tu, xin mời ngồi!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 323, hàng thứ 5, xem từ đoạn giữa của hàng thứ năm: “**Như sách Khởi Tín Luận Nghĩa Ký giảng. Pháp tánh nghĩa là hiểu rõ chân thể này phổ biến...thông với hết thảy pháp làm tánh**”. Bài trước chúng ta đã đọc qua chỗ này, cái danh từ này được sử dụng rất nhiều trong Đại thừa. Về khái niệm, danh từ chúng ta cần nắm rất rõ, phần trước nói đến cũng chính ngay cái hàng này. “Tánh”... ý là “Thể”, là bản thể, tức là bản thể năng sanh vạn pháp. Thể tánh năng sanh, vạn pháp là sở sanh. Niệm Lão đã nói rất rõ ngay chỗ này, tự thể của hết thảy pháp được gọi là Pháp tánh. Phần sau nêu lên những điều được nói trong Khởi Tín Luận Nghĩa Ký.

Thông với hết thảy pháp làm tánh, nó chính là “chân thể”. “Phổ biến” tức là tất cả pháp, không có một pháp nào không phải do tự tánh sanh. Lục Tổ Huệ Năng đã giảng, nói tự tánh hết sức đơn giản, rất rõ ràng, rất thấu triệt: “***Nào ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp***”, tự tánh là bản thể của tất cả pháp. Tự tánh chỉ có một, còn hết thảy pháp thì có vô lượng vô biên. Chẳng hạn như cái thân của chúng ta đây, thân thì chỉ có một; còn tế bào trên cơ thể thì có không biết là bao nhiêu mà nói. Chức năng của mỗi một tế bào đều không giống nhau, nhưng cái thân này là lý thể của nó, tách khỏi cái thân này thì tế bào cũng chẳng còn. Tế bào cùng với cơ thể là không thể tách rời, cũng như vạn pháp với tự thể là không thể tách rời. Từ những chỗ này, chúng ta biết rất rõ, Ngài vì chúng ta nói rõ chân tướng sự thật. Chân tướng của vạn pháp là cùng một thể, đã là một thể thì không thể phân biệt, chẳng thể chấp trước; thậm chí là không khởi tâm, không động niệm. Thế thì thành Phật rồi!

Từ bi là tâm yêu thương chân thật, còn sự từ bi của người đời thì có điều kiện. “***Phụ tử hữu thân***”, con cái yêu thương cha mẹ do người đó là cha mẹ của ta, đây là có điều kiện. Cha mẹ thương yêu con cái, con cái thương yêu cha mẹ, đây đều là có điều kiện. Còn tình yêu thương trong tự tánh không có điều kiện, tuyệt đối là bình đẳng. Tự tánh…thuận theo tự tánh quyết định là hòa mục. Tình yêu do đâu mà có? Là từ tự tánh sanh. Hòa mục lại ở đâu ra? Cũng là từ tự tánh sanh. Từ tự tánh sanh thì chắc chắn là hòa mục, chắc chắn là hài hòa. Bất hòa đồng nghĩa đã đi ngược với tự tánh, trái ngược với tự tánh mất rồi; cũng được gọi là đi ngược với phép tắc của đại tự nhiên. Phép tắc đại tự nhiên chính là tánh đức; trong tánh đức thì đức đầu tiên là “một thể”. Chúng ta nhất định phải thừa nhận điều này, chúng ta nhất định phải tuân thủ. Người khác không tuân thủ, cũng đâu khác gì thuở chúng ta chưa gặp Phật pháp đâu. Trước khi chúng ta chưa gặp Phật pháp, cũng đâu có tuân thủ, vì sao? Vì không biết. Thật sự gặp được Phật pháp, vẫn phải thâm nhập Đại thừa mới biết được chân tướng sự thật. Sở dĩ biết được chân tướng sự thật này là từ Kinh giáo, do nghe được Thích Ca Mâu Ni Phật nói, chứ không phải chúng ta chứng đắc mà biết được. Nếu như tự bản thân mình thân chứng thì tốt rồi, thân chứng liền thành Phật.

Thực ra việc thành Phật không khó, Mật tông có nói là: “**Tức thân thành Phật**”. Tịnh độ tông thì nói là một đời thành Phật, vãng sanh Thế giới Cực Lạc liền thành Phật, điều mấu chốt. Vì sao người học Phật lại không thể thành tựu, mà người niệm Phật cũng không thể thành tựu? Hải Hiền Lão hòa thượng có một câu chúng ta phải khắc ghi trong lòng, chính là: “***Ở đời không có việc gì khó, chỉ sợ tâm không chuyên***”, chính là cái chữ “chuyên” này, nếu như bạn có thể chuyên tâm thì liền thành tựu. Lời này đã được Lão tổ tông, Cổ thánh Tiên hiền viết trong bộ Tam Tự Kinh: “***Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên***”. Thành tựu của Hải Hiền Lão hòa thượng chính là nhờ chữ “chuyên” này, chứ chẳng có gì khác.

Thấy người khác tu hành mà không có thành tựu, chính vì do không chuyên; do vọng tưởng quá nhiều, tạp niệm quá nhiều, không thể chuyên tâm. Người chân thật tu hành thì phải vạn duyên buông xả, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, phải chuyên mới được! Chúng ta đã nhìn thấy rất nhiều trường hợp. Bao nhiêu lâu thì họ thành công? Ba năm, đây là trường hợp phổ biến. Còn những người đặc biệt tinh tấn, thì một năm hoặc nửa năm là thành công rồi. Thậm chí như trong kinh A Di Đà có nói: “**Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bảy ngày**”. Có người một ngày là thành công, chúng ta chưa thấy trường hợp đó. Nhưng có ba ngày thành công như ngài Oánh Kha vào thời xưa, chính là một ví dụ rất tốt. Còn chính mắt tôi thì thấy được một người, là một Hoa kiều định cư ở Mỹ, đó là Tiên sinh Chu Quảng Đại. Ông không có tín ngưỡng tôn giáo, phút lâm chung người nhà ông đến tìm chúng tôi; chúng tôi đi xem. Ông thì quả thật bệnh tình quá nặng rồi, không cách gì khỏi được. Chúng tôi bèn khuyên ông, chúng tôi đem Thế giới Cực Lạc giới thiệu cho ông. Ông vừa nghe liền hoan hỷ, lập tức tiếp nhận. Ông nói với người nhà: “*Không cần đi tìm bác sĩ gì hết, cũng đừng cầu cảm ứng nữa*”; khuyên cả nhà cùng nhau niệm Phật tiễn ông vãng sanh. Niệm ba ngày ba đêm, đây là ba ngày được nói trong kinh A Di Đà. Ông thành công rồi, lúc ra đi tướng lành vô cùng tốt, hỏa thiêu còn có xá lợi.

Những lời nói trong kinh Phật, câu nào cũng là lời thật, không có một chữ, một câu nào là gạt người. Về điểm này, chúng ta phải tin tưởng mà sanh lòng tin sâu, không nghi đối với Kinh giáo. Có như thế, tâm chúng ta mới có thể chuyên. Phàm chuyên không nổi là do tâm có nghi hoặc; đối với cái thế gian này vẫn còn tham luyến, nên dụng tâm không chuyên. Thế giới này nhất định phải từ bỏ, phải buông cho thật sạch. Sự….sự thì chẳng có chướng ngại “***lý sự vô ngại, sự sự vô ngại***”. Hải Hiền Lão hòa thượng hết sức cần mẫn, Ngài thích làm việc. Làm từ sớm cho đến tối, cả ngày từ sáng đến tối chẳng ngơi nghỉ. Ngài đã dưỡng thành thói quen ấy rồi, nhưng bất luận là làm việc gì, trong tâm vẫn luôn niệm Phật. Phật hiệu không gián đoạn, làm việc không chướng ngại niệm Phật. Cho nên, tâm Ngài thanh tịnh, bình đẳng; đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tôi tin rằng từ 40 tuổi trở đi, cảnh giới của Ngài là cảnh giới Phật, chỉ là Ngài không chịu nói mà thôi. Cũng không ai biết được con người Ngài, Ngài cũng không cần ai nhận biết được Ngài. Nhận ra Ngài thì phiền lắm, vì thế điều này cực kỳ quan trọng. Làm sao để minh tâm kiến tánh? Mấu chốt của nó chính là đây.

Bạn phải biết Pháp tánh là gì, cái gì gọi là tự tánh? Tự tánh không có hình tướng, nó không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có ý niệm. Chúng ta phải buông bỏ khởi tâm động niệm, mới có thể tương ứng với tự tánh. Có khởi tâm động niệm, thì liền không tương ứng. Có khởi tâm động niệm thì sẽ tương ứng với A lại da, và tương ứng với 51 tâm sở. Sự việc này rất là rắc rối, tương ứng với A lại da chính là tạo nghiệp. Nghiệp có thiện có ác, dẫu thiện hay ác đều không tốt. Thiện nghiệp sẽ ở ba đường thiện, ác nghiệp sẽ ở ba đường ác. Tại sao lại nói thiện nghiệp cũng không tốt vậy? Vì ra không nổi sáu nẻo luân hồi. Không thoát được sáu nẻo luân hồi, thì làm gì có chuyện không bị đọa vào tam ác đạo? Cho nên, trong sáu nẻo không có ngày ngoi đầu ra. Còn như sức mạnh của nghiệp thiện lớn, thì sanh lên trời. Cõi Trời, cõi Người, A Tu La là ba đường thiện. Khi phước báu ở ba đường thiện hưởng hết rồi, trong A lại da vẫn còn ác nghiệp. Ác nghiệp hiện tiền liền đọa vào tam ác đạo. Thế nên chúng ta biết, trong tâm thanh tịnh không có thiện-ác. A La Hán chứng đắc tâm thanh tịnh, cho nên A La Hán đã ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Các ngài không có thiện-ác, tốt nhất là ý niệm thiện-ác gì đều phải buông xả hết, chỉ có một câu Phật hiệu. Trên thế giới này không có thiện-ác, tâm mới có thể thanh tịnh.

“Đoạn ác, tu thiện” đều không để trong tâm, nhất định phải đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Đó là gì? Đó là trì giới, đó là tu phước, đó là làm ra tấm gương tốt cho chúng sanh. Trong đó có vô lượng công đức; không chấp tướng liền có vô lượng công đức. Đoạn ác nhưng không chấp tướng đoạn ác, tu thiện nhưng không chấp tướng tu thiện; “đoạn ác, tu thiện”, như thế thì toàn là công đức. Nhưng một khi bạn chấp tướng thì sẽ biến thành phước đức, chứ không còn là công đức. Cái lý này chúng ta nhất định phải hiểu, phải biết cách áp dụng vào trong đời sống của chính mình. Áp dụng vào trong sinh hoạt, trải qua đời sống của một bậc tu hành; ở trong Đại thừa thì trải qua đời sống của một Bồ Tát; còn trong Tiểu thừa thì trải qua đời sống của A La Hán. Tâm đắc tự tại, cho nên đây là vấn đề tu hành căn bản, là một vấn đề lớn. “***Tự tánh năng sanh vạn pháp***”, bạn xem, tự tánh lại được gọi là Thật tướng, cũng được gọi là Chân như, cũng được gọi là Pháp giới, cũng được gọi là Niết bàn, cũng là thực tế. Chỗ này, dẫn dụng ra rất nhiều danh xưng. Trong Đại thừa giáo chí ít có đến mấy chục danh từ như vậy, trên 50 cái, tôi cũng không nhớ rõ lắm, toàn là nói về cùng một việc.

Tại sao cùng một sự việc, Đức Phật lại dùng nhiều danh tướng đến như vậy? Chính là để bảo bạn đừng có chấp trước. Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận có nói với chúng ta: “***Nghe kinh đừng bao giờ chấp vào tướng ngôn thuyết, đọc kinh thì đừng chấp vào tướng văn tự***”. Ngài không nói là văn tự mà bảo là danh tự, tức là danh từ học thuật; đừng có chấp vào cái tướng ấy, đừng chấp tướng tâm duyên. Tướng tâm duyên chính là nhìn thấy cái từ này, liền nảy lên ý nghĩa của từ đó, chẳng có ý nghĩa gì cả. Không có ý nghĩa, tức là nó có vô lượng nghĩa; có nghĩa thì nó chỉ có một, hai nghĩa, chứ không phải vô lượng. Cho nên tụng kinh, tụng kinh chính là đọc sách ngàn lần, mục đích là nghĩa kia tự hiểu, để chúng ta đắc tam muội, khai ngộ. Dụng ý chính là đây, không phải kêu chúng ta liễu giải nghĩa kinh. Bạn đọc bộ kinh này, muốn hiểu nghĩa của nó. Ngày ngày đều nghĩ đến nó, đó là tri thức. Bạn nghĩ thế nào đi chăng nữa, có nghĩ nhiều đến đâu đi nữa, đó cũng không phải ý của Phật, vì sao? Vì Phật không có ý. Thế thì làm sao bạn có thể nảy ra nhiều ý nghĩa đến như vậy? Do lúc giảng giải, do đối tượng giảng giải cũng khác, cho nên bạn giảng ý nghĩa cũng không giống nhau. Chẳng có hai nghĩa nào giống hệt nhau cả, “diệu” chính là “diệu” ngay chỗ này. Vì vậy, kinh Phật chỉ cho phép đọc tụng, đừng có đi nghiên cứu ý nghĩa trong đó. Càng nghiên cứu chỉ càng sôi hỏng bỏng không, vì bạn biến nó thành thế gian pháp, biến nó thành tri thức mất rồi. Là Phật học tri thức, chứ không còn là kinh điển nữa.

Kinh điển có thể giúp bạn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Bạn lại mang nó biến thành tri thức, bạn vĩnh viễn chẳng bao giờ khai ngộ nổi. Vì thế Phật pháp, đặc biệt là Đại thừa, cùng với học thuật truyền thống của Trung Quốc; nếu dùng lý niệm, phương pháp mà người bình thường hiện nay hay dùng thì chẳng cách nào học được. Học thuật truyền thống Trung Quốc là giáo dục Thánh hiền, học như thế thì chẳng bao giờ thành Thánh, thành Hiền. Học kinh Phật thì chẳng bao giờ thành Phật, thành Bồ Tát, vẫn mãi là phàm phu. Đạo lý này chúng ta phải làm cho rõ ràng, sáng tỏ. Bởi vậy, Phật pháp khó!

Quốc sư Cường Đế Mã của Sry lanka hai ngày nay đến đây thăm tôi, tôi cùng với thầy ấy nói chuyện. Giáo học, lý niệm cùng với phương pháp của đại học Phật giáo, tôi phải từ từ nói với thầy, từ từ cho thầy ấy hiểu. Thầy ấy ở Đài Loan đã học ở Viện Phật học Đài Loan không ít năm, thầy ấy đã sống ở Đài Loan hơn 20 năm. Ở Phật học Viện học được cái gì? Là thường thức, là thường thức ngoài da như những phần Kinh văn này vậy,…. Nào là Pháp tánh, rồi chúng sanh tướng, thật rất khó nói cụ thể rõ ràng được. Vì sao? Vì chưa nhập được vào cảnh giới, làm sao mà giảng được? Phải khế nhập với cảnh giới ấy, mới hiểu được những câu chữ này đều là sống. Nói sâu nói cạn, nói ngắn nói dài, không có gì là không tự tại. Người nghe, người nghe nhất định phải có đầy đủ điều kiện, có tâm chân thành. Không có tâm chân thành thì không thể hiểu được; phải có tâm chân thành, phải dùng tâm thanh tịnh, tâm cung kính, cũng tức là lời Ấn Tổ đã nói: “***Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần thành kính***”. Đối với Đại thừa, đối với kinh điển, đối với lão sư không có tâm thành kính, dẫu Phật có đến dạy bạn, bạn đều chẳng đạt được tí lợi ích nào. Nếu như có mười phần tâm thành kính, dẫu lão sư có kém một chút, lão sư vẫn chưa khai ngộ. Thầy cũng rất nỗ lực giảng giải cho bạn, bạn nghe rồi sẽ khai ngộ.

Người nói chưa khai ngộ mà người nghe đã khai ngộ rồi, do nguyên nhân gì? Do tâm chân thành, có trường hợp như vậy. Cho nên ở Trung Quốc từ xưa đến nay, mỗi một triều đại rất nhiều trường hợp hậu sinh khả úy. Thành tựu của học trò còn trội hơn cả lão sư, lão sư cũng lấy đó làm vinh quang. Lão sư không có tâm đố kỵ, không bao giờ chướng ngại học trò. Họ luôn mong học trò mai này có thể vượt trội hơn mình, đều thành công vượt bậc hơn mình. Người thầy thường có cái tâm ấy, cái tâm ấy là “chân tâm”. Nếu như có cái tâm tiếc pháp, không mong có người hơn mình; lúc dạy học cũng phải chừa lại một chút cho riêng mình, đó gọi là “lận pháp”. Quả báo của việc keo kiệt pháp, chính là đời đời đều ngu si. Người học trò tốt, thì người nào người nấy đều biết tri ân báo ân. Học trò có thành tựu vượt bậc hơn nữa, khi gặp lão sư cũng vẫn phải đảnh lễ ba lễ, biểu thị lòng tôn sư trọng đạo. Vì sao? Vì để làm gương cho chúng sanh nhìn vào, khiến người trong thiên hạ hiểu được cái lẽ “tôn sư trọng đạo”. Cái này tương ưng với Pháp tánh, tương ưng với tánh đức. Nếu học trò xem thường lão sư, coi như người học trò này xong rồi, quả báo tương lai là ở tam đồ.

Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm nói đến nghiệp nhân quả báo, là luận đến sức ảnh hưởng của nó; cũng tức là lúc phán tội là nhìn từ sức ảnh hưởng mà phán. Bạn đã gây sức ảnh hưởng thế nào lên xã hội? Ảnh hưởng thiện hay là ảnh hưởng ác, xem coi phạm vi ảnh hưởng bao lớn. Thời gian ảnh hưởng bao lâu, tội là nhìn từ đây mà phán. Hình phạt nơi địa ngục là do Diêm La Vương quản lý; nhớ kỹ, chỉ là quản lý mà thôi. Bản thân bạn không tạo nghiệp, Ngài ấy cũng chẳng làm gì được bạn. Nhưng nếu bạn tạo nghiệp thì bạn không cách gì tránh khỏi. Đâu ra có vua Diêm Vương vậy? Là do nghiệp lực của chúng ta biến hiện ra. Không những Diêm La Vương mà toàn bộ sáu nẻo luân hồi, toàn bộ mười Pháp giới, toàn là nghiệp lực chính mình biến hiện ra. Nó là giả, vốn dĩ chẳng có những cái đó, hiện thời cũng chẳng có. Vậy tại sao hiện giờ lại xuất hiện những thứ ấy? Vì nghiệp lực của chúng ta là nhân sáu nẻo, với mười Pháp giới là quả báo. Nhưng thể của nó toàn là Pháp tánh, không luận là đang mê hay là ngộ. Nếu như mê thì Pháp tánh sẽ ẩn, còn hiện tướng lại hiển. Đến khi ngộ thì Pháp tánh sẽ hiển mà hiện tướng cũng hiển, đến lúc đó thật sự thấy được tánh tướng nhất như, tánh tướng không hai. Vì sao? Vì bạn đã không còn tạo nghiệp nữa.

Không tạo nghiệp, chính là sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần. Biết rõ ràng, thấu suốt, tất cả đều hằng thuận chúng sanh. Trong tâm không có dấu ấn nào, đây coi như siêu việt rồi. Trong tâm không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, bạn siêu việt rồi. Lúc đó người ấy sẽ tạo nghiệp gì? Là tịnh nghiệp. Nghiệp họ tạo cũng giống với nghiệp của mọi người, cũng có thiện có ác nhưng đều gọi là tịnh nghiệp. Vì sao? Vì họ không có nhiễm. Thiện nghiệp không nhiễm, mà nghiệp ác cũng không nhiễm. Cũng tức là trong tâm không để lại ấn tượng, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Thuận cảnh, thiện duyên cũng A Di Đà Phật; mà nghịch cảnh, ác duyên cũng A Di Đà Phật. Đây là tịnh nghiệp của Tịnh độ tông, quả báo là ở Thế giới Cực Lạc, không còn sáu nẻo và mười Pháp giới. Chúng ta không thể không biết, không thể không làm.

Đừng có ác niệm, khởi lên một ý niệm ác, người khác không biết nhưng bản thân mình biết. Vì sao? Vì khởi lên một niệm ác, đó là tạo nghiệp; mà khởi lên thiện niệm cũng là tạo nghiệp. Cái nghiệp ấy là gì? Là nghiệp dắt chúng ta đi vào luân hồi, không có ngày ra khỏi. Bất kể là thiện nghiệp hay ác nghiệp, cũng đừng để nó đi vào tâm mình. Cũng tức là nói, đương nhiên cảnh giới cao nhất là không khởi tâm, không động niệm, đó là Pháp thân Bồ Tát, đại triệt đại ngộ. Các ngài làm được rồi, chúng ta nên học từ đâu? Học từ đừng chấp trước, đừng phân biệt, đó là điều mà hiện nay chúng ta có thể làm được. Chúng ta làm dăm ba năm thì nâng lên, từ công phu thành phiến nâng lên đến nhất tâm bất loạn. Đó chính là không khởi tâm, không động niệm, biểu hiện từ nơi đối người, xử việc. Họ có một tình yêu thương chân thành vô bờ, như biểu hiện của Bồ Tát Di Lặc vậy, cả ngày từ sớm đến tối hoan hỷ vui vẻ. Hải Hiền Lão hòa thượng cũng biểu cái pháp này, cho nên nam nữ già trẻ, không một ai là không yêu mến Ngài. Ngài từ bi, chân thành, không có vọng tưởng, không có tà niệm. Đối người, đối việc đều hết sức chân thành, đây là điều chúng ta nên học hỏi.

“**Lại nữa, sách Duy Thức Thuật Ký giảng: tánh là thể, hết thảy pháp gọi là Pháp tánh**”. Pháp tức là hết thảy pháp, tánh chính là thể; thể của tất cả pháp được gọi là Pháp tánh. Chúng ta đọc kinh điển của Tịnh độ tông thấy có nói, vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, thân là Pháp tánh thân; hoàn cảnh cư trú là Pháp tánh Độ. Còn nơi sinh sống của chúng ta hiện giờ, với tình hình trước mắt thực chất mà nói, thân của chúng ta cũng là Pháp tánh thân; hoàn cảnh sinh sống cũng là Pháp tánh Độ, nhưng thực tế bây giờ không phải như vậy nữa. Chúng ta nên biết, Pháp tánh có một điểm đặc biệt, chính là không sanh không diệt, còn thân của chúng ta có sanh-diệt. Môi trường sinh sống của chúng ta cũng có sanh-diệt, bạn xem hoa cỏ, cây cối đang nhan nhản ngay trước mắt chúng ta, chúng có “sanh-trụ-dị-diệt”. Mùa xuân, mùa hạ, bạn thấy cây cối um tùm xanh tốt thế nào, đẹp đẽ làm sao; đến mùa thu thì bắt đầu thay màu đổi sắc; đến mùa đông thì lá rơi lả tả, chỉ còn nhìn thấy thân cây trơ trọi, chẳng còn chiếc là nào; đến mùa xuân chúng lại sinh sôi nảy nở, đó là hiện tượng sanh-diệt. Đất đai cũng là pháp sanh-diệt, chúng có “thành-trụ-hoại-không”. Chúng ta phải nhìn thấy được những điều này, con người thì có “sanh-lão-bệnh-tử”, tất cả mọi động vật đều không thể nào tránh khỏi điều này. Cây cối hoa cỏ thì xuân sanh, hạ trưởng, thu gom, đông tàn, chúng có “sanh-trụ-dị-diệt”.

Chúng ta thấy hoàn cảnh cư trú, chẳng hạn sông núi, đất đai, chúng có “thành-trụ-hoại-không”. Mỗi một ngày, mỗi một giờ, thậm chí là mỗi giây, mỗi phút, trong khoảng vũ trụ không biên giới; có biết bao tinh cầu được sanh ra, lại có biết bao tinh cầu phát nổ và biến mất. Nhìn thấy sự “thành-trụ-hoại-không” của tinh cầu, kinh Phật dùng hai từ để hình dung về nó, chính là “***vô thường***”; phàm là vô thường đều không thể để trong tâm. Người, việc, vật đều là vô thường, ngay cả không gian với thời gian cũng là vô thường. Phàm phu chúng ta không cách gì có thể đem Pháp tánh và Chân như để trong tâm, không cách gì làm được việc này. A Di Đà Phật từ bi, vì chúng ta khai mở ra một pháp môn đặc biệt, chuyên vì chúng ta mà khai lối; hoặc có thể nói rằng, chính vì ta mà mở. Ta phải cảm ân pháp môn này, đời này ta gặp được rồi. Đời này quyết định siêu việt sáu nẻo, siêu việt Pháp giới, lìa khổ lìa cứu cánh khổ. Vãng sanh Thế giới Cực Lạc, đắc cứu cánh lạc. A Di Đà Phật là đại ân nhân của chúng ta, chúng ta phải tri ân báo ân; để A Di Đà Phật trong tâm mới chân thật là báo ân thân bằng quyến thuộc, bạn bè thân thích của chúng ta.

Tôi có một người bạn thân, hiệu trưởng quan của trường trung học bậc nhất ở Nam Kinh. Khi tôi từ Đài Nam trở về lại Hồng Kông, nghe nói đâu mấy ngày trước ông đã vãng sanh rồi. Ông nhỏ hơn tôi hai, ba tuổi, chắc khoảng chừng 85 tuổi, khoảng 85, 86 tuổi gì đó. Chúng tôi không có cơ hội được gặp mặt nhau lần cuối, thật vô cùng đau xót. Tôi gọi điện thoại cho em trai của tôi, nhờ chú ấy thay tôi đi thăm hỏi một chút. Bọn tôi là bạn học cùng lớp, hơn nữa còn ngồi chung một bàn. Thời kỳ đó, cơ sở vật chất trường học tương đối đơn giản, không được tốt như hiện nay. Một cái bàn ngồi được hai người, chúng tôi ngồi chung một bàn, ngồi cùng một ghế. Bạn học cũ bây giờ, còn được khoảng gần chục người. Sống ở Nam Kinh thì có ba, bốn người; những người khác hầu như đều ở trong nước; Đài Loan cũng có mấy người, thật không dễ gì! Bạn bè thuở bé, quả thật rất có tình cảm với nhau. Mỗi lần trở về nước, tôi đều đến thăm những bạn bè cũ này, hiếm hoi lắm lúc tuổi già mới được gặp nhau một lần. Bây giờ không về được, thật xót xa vô cùng.

Tịnh tông dạy chúng ta, ngay cả những thân tình khó buông xả nhất. Đây đều là thuộc về tình thân, đều phải buông bỏ. Chúng tôi khuyên mọi người, cùng nhau niệm Phật, vãng sanh Tịnh độ. Mai này đến Thế giới Cực Lạc họp mặt, đến Thế giới Cực Lạc thì chúng ta có thể ở cùng nhau rồi. Mỗi người đều vô lượng thọ, được vĩnh viễn bên cạnh nhau. Chúng ta phải làm cho được chuyện này, không thể không làm. Điều kiện của nó rất đơn giản: “**Tín, nguyện, trì danh, cầu sanh Tịnh độ**”, liền có thể trọn thành tất cả nguyện vọng của chúng ta. Đối với số bạn bè thân thích, chúng tôi phải chân thành khuyên nhủ họ. Những năm tháng cuối đời, bây giờ ai nấy đều về hưu cả rồi, đều đã trên 80 rồi, đại khái đều là 85 tuổi trở lên. Không niệm Phật thì còn làm cái gì nữa đây! Tôi muốn đem pháp môn niệm Phật này gửi tặng cho mọi người. Hy vọng mọi người đều có thể cầu sanh Tịnh độ, đều có thể buông xả vạn duyên. Nên buông xả rồi, ở vào cái tuổi này, ngoại trừ niệm Phật ra, cái gì cũng phải buông hết.

Chúng ta xem tiếp: “**Lại nữa, sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển một cũng viết: ‘Thể tánh của pháp gọi là Pháp tánh’. Vì vậy, Pháp tánh là thể của vạn pháp**”, trong triết học gọi là “bản thể”. Bản thể của toàn bộ vũ trụ vạn hữu, trong Phật pháp gọi là Pháp tánh. “**Dù trong pháp nhiễm hay tịnh, dù nơi hữu tình hay nơi vô tình, tánh của nó chẳng hề biến đổi, đây được gọi là Pháp tánh**”. *Tánh* có nghĩa là vĩnh hằng bất biến, có nghĩa là không sanh không diệt, nó là thật. Cho nên, “**lại nữa, Pháp tánh chính là Chân như, cũng chính là Thật tướng**”, hai danh từ này được dùng nhiều nhất trong Đại thừa. “Chân” là nói đến tánh, còn “như” là nói đến tướng. “***Tự tánh năng sanh vạn pháp***”, *vạn pháp* chính là “như”, tánh tướng là một không phải hai. Trên kinh thường dùng vàng cùng dụng cụ làm ví dụ, giả như: “***Dùng vàng làm đồ vật, mọi đồ vật đều là vàng***”. Đồ vật, nhìn từ thể của nó thì chính là vàng, còn nếu nhìn trên tướng thì nó là dụng cụ. Tướng thì có ngàn vạn sai biệt, nhưng tánh thì chỉ có một, toàn được chế tạo từ vàng. Cũng chính là Thật tướng, Thật tướng là chân tướng, chúng ta bảo là thân tướng đại bạch. Từ trên vọng tướng nhìn được chân thể của nó, thế thì cái tướng này chính là Thật tướng. Học Phật không có gì khác, chính là phải làm cho rõ ràng, sáng tỏ cái thứ này.

Người thế gian mê hoặc, chúng sanh sáu nẻo đều đang mê. Mê ở chỗ nào? Mê ngay nơi vọng tướng, không những sáu nẻo mê mà mười Pháp giới cũng mê. Trong mười Pháp giới, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật đều đang mê. Cho nên, Phật của mười Pháp giới, Đại sư Thiên Thai gọi là Tương Tự Tức Phật. Tương tự thì không phải là thật, vì sao? Vì các ngài vẫn chưa buông bỏ A lại da, chưa chuyển thức thành trí. Người nhìn thấy được Chân như, thấy được Thật tướng, đó là người thế nào? Là Pháp thân Bồ Tát, là Phật thật, người Trung Quốc bảo là bậc “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Kiến tánh chính là thấy được Pháp tánh, nhìn thấy ở đâu? Chính là thấy từ trên tướng. Trong tướng sanh-diệt, thấy được tánh không sanh-diệt, tướng có thể thiên biến vạn hóa, nhưng tánh thì vốn chưa từng dao động bao giờ. Chân tâm của chúng ta chưa từng dao động, chân tâm của chúng ta cũng không bị ô nhiễm; còn A lại da, Mạt na ý thức của chúng ta có ô nhiễm. Nhưng đây toàn là giả, không phải thật. Tam tế tướng của A lại da từ đâu mà có? Từ bất giác mà có. Bất giác chính là mê, từ mê hoặc sinh ra. Một mê thì tất cả đều mê, một ngộ thì tất cả đều ngộ.

Mục đích học Phật của chúng ta, chính là ở khai ngộ. Mục đích học Phật không phải ở tài sắc danh lợi, không phải ở ngũ dục lục trần. Nhất định không được dây vào những thứ này, tiêm nhiễm vào đồng nghĩa bạn đang tạo nghiệp luân hồi; không thể ra khỏi luân hồi, nhất định phải tu tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp của chúng ta là Tịnh độ của Di Đà, chính là “tín, nguyện, trì danh”; vĩnh viễn không biến đổi, cả đời này cũng không đổi, đây chính là tu tịnh nghiệp. Tôi thường hay nói với mọi người, đem chiếc đĩa của Hải Hiền Lão hòa thượng xem thành kinh Vô Lượng Thọ mà đối đãi, chiếc đĩa ấy là tổng kết của kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi ngày nên xem ba lần, niệm một vạn câu. Phật hiệu, niệm hơn một năm, một ngày cũng không thiếu. Xem đĩa suốt một năm, niệm Phật một năm. Một năm này, mỗi ngày đều một vạn tiếng. Phật hiệu, một năm là ba trăm sáu mươi lăm vạn tiếng Phật hiệu; đĩa xem một ngày ba lần, vậy là một ngàn lần. Công đức của một năm này, có thể bảo đảm cho bạn vãng sanh Tịnh độ. Nếu bạn thật sự thu tâm, chuyên niệm, bạn sẽ thấy được A Di Đà Phật, chuyện này không khó. Thời gian một năm này, chúng ta phải tranh thủ lấy, không thể tiếp tục làm chuyện khác được. Làm chuyện khác e là không kịp mất, tuổi tác quá lớn rồi.

Phần sau, Niệm Lão dẫn dụng Pháp Hoa Nghĩa Sớ; trong quyển thứ năm có nói: “**Pháp tánh chính là Thật tướng; Tam thừa đắc đạo không ai chẳng do nó**”. Tam thừa tức là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa với Bồ Tát thừa. Quả vị mà các ngài chứng đắc, thảy đều là chứng đắc được bao nhiêu phần của Pháp tánh. A La Hán là thấp nhất, chỉ mới được ít phần; Tam thừa Bồ Tát thì chứng được nhiều hơn; hướng lên nữa là Pháp thân Bồ Tát thì chứng được trọn vẹn Pháp tánh rồi. “**Quyển một sách Chỉ Quán cũng chép, Pháp tánh gọi là Thật tướng; còn chẳng phải là cảnh giới của Nhị thừa, huống hồ phàm phu**”, Nhị thừa là Thanh Văn với Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác vẫn chưa chứng được Pháp tánh, cho nên lục đạo phàm phu không có phần.

“**Hoa Nghiêm tông cho rằng Chân như có hai nghĩa là bất biến và tùy duyên**”, đó chính là Pháp tánh. Pháp tánh có hai loại hiện tượng, chính là bất biến và tùy duyên, nó có hai nghĩa như vậy. “**Về mặt tùy duyên, do nó tạo ra hết thảy các pháp**”, tùy duyên chính là như Huệ Năng Đại sư có nói là: “***Năng sanh vạn pháp***”, tùy hết thảy duyên, “**nên gọi Chân như là Pháp tánh; lại do chẳng bất biến nên tuy tùy duyên tạo ra nhiễm hay tịnh**”. *Nhiễm* là phàm phu lục đạo, *tịnh* là Tứ thánh Pháp giới; nhiễm và tịnh hợp lại thì chính là mười Pháp giới. “**Hữu tình hay vô tình vạn pháp**”, đây toàn là do Pháp tánh biến. Huệ Năng Đại sư nói là tự tánh, tự tánh chính là Pháp tánh; nó năng biến muôn vàn hữu tình và vô tình. Hữu tình là động vật, vô tình là thực vật và khoáng vật; nó năng biến ra sơn hà đại địa, năng biến ra hư không Pháp giới. “**Mà Chân như chẳng đổi**”, chân tánh trước giờ vốn chưa hề dao động. Chắc chắn không có hiện tượng sanh-diệt, nó không phải là thứ được sản sinh bởi hiện tượng dao động.

Thập Pháp giới Y chánh Trang nghiêm là huyễn tướng, được sản sinh bởi hiện tượng dao động; nó là từ trong tự tánh biến hiện ra. Trong tự tánh cái gì cũng không có, nhưng không thể nói nó không, vì sao? Vì nó có thể tùy duyên mà hiện tướng. Tuy hiện ra hết thảy tướng, nhưng lại không thể nói nó có. Tại sao vậy? Vì mọi tướng mà nó hiện, đều không phải thật; bao gồm cả Nhất Chân Pháp Giới, cả Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai. Vậy cõi Thật Báo Trang Nghiêm làm sao mà hiện? Đoạn được vô thủy vô minh rồi, nhưng chưa đoạn được sạch sẽ tập khí vô thủy vô minh. Chính cái tập khí ấy hiện ra Nhất Chân Pháp Giới, nó là Chân như, nó không phải A lại da. Cho nên, có 41 vị Pháp thân Đại sĩ thảy đều là bậc “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Các ngài là Phật thật chứ không phải Phật giả, vậy 41 vị thứ này là như thế nào? Là do tập khí có sự dày mỏng không giống nhau. Tập khí còn rất dày, đó chính là Bồ Tát Thập trụ; tập khí còn rất mỏng thì đó là Bồ Tát Thập địa. Cho nên bạn thấy đó, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, đây đều là nói của Viên giáo.

Còn một phẩm tập khí, sanh tướng vô minh sau cùng là Đẳng giác. Khi Đẳng giác phá được một phẩm sau cùng này, thì sẽ không thấy cõi Thật Báo nữa. Vì vậy, trên kinh Kim Cang có nói: “**phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”, bao gồm cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không ngoại lệ, vì nó cũng phàm là những gì có hình tướng. Cõi Thật Báo ẩn rồi thì Thường Tịch Quang liền hiện tiền, các ngài tự nhiên dung nhập vào Thường Tịch Quang; cùng với Thường Tịch Quang hợp lại làm một, đây chính là Pháp thân Phật. Thanh tịnh, Pháp thân Phật không sanh không diệt, Huệ Năng Đại sư khi khai ngộ đều nói hết cả rồi. Bốn đức của Pháp thân Phật, thì đức đầu tiên là ***thanh tịnh***; thứ hai là ***không sanh không diệt***; thứ ba là ***vốn tự đầy đủ***; thứ tư là ***vốn không dao động***, đây là tứ đức. Vốn không dao động là tự tánh vốn định, vì thế việc tu định rất quan trọng, tu định sẽ tương ưng với tự tánh. Trong tâm động loạn không thể tịnh lại, thế thì sẽ không tương ưng với tự tánh; mà tương ưng với A lại da, tương ưng với phiền não.

Không tương ứng với Chân như, chính vì thế cần phải buông xả. Nếu bạn hỏi tôi bắt đầu buông từ chỗ nào? Tôi có thể nói với bạn, tôi bắt đầu buông từ chiếc điện thoại, cái thứ này là thứ không tốt lành gì. Nhất định phải giác ngộ, có cái thứ này, ngày đêm đều chẳng được yên; cứ chốc lát là lại réo lên, tâm của bạn làm sao mà định xuống được! Khoa học kỹ thuật đúng là hại người, nhất định phải biết điều đó. Điều cấp bách hiện nay của chúng ta, là phải vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Tất cả mọi thứ khiến chúng ta khởi tâm động niệm, khiến chúng ta phân biệt chấp trước, đều phải buông bỏ toàn bộ. Để tâm khôi phục lại thanh tịnh, thế thì đúng rồi, tùy duyên tạo ra.

“**Hữu tình hay vô tình, muôn vàn vạn pháp; mà Chân như chẳng đổi chẳng biến, ví dụ: Nước biến thành sóng**”, bất biến là tính chất của nước, nước có tính ẩm ướt. Cái ví dụ này ví rất hay! “**Pháp tánh Chân như thuần thiện chẳng nhiễm**”. Lão tổ tông, Cổ thánh Tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: “***tánh người vốn thiện***”, bổn thiện này chính là thuần tịnh vô nhiễm. Cho nên, Huệ Năng Đại sư minh tâm kiến tánh, câu đầu tiên nói rằng: “***Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh***”, đây chính là tánh vốn thiện. Bất thiện là do học hư rồi, bất thiện là tập tánh chứ không phải bổn tánh. Cho nên, giáo dục Trung Quốc thời xưa, văn hóa Trung Quốc trên toàn thế giới, Tiến sĩ Thang Ân Tỉ vô cùng tán thán. Ông hoàn toàn khẳng định, trên toàn bộ trái đất này, văn hóa truyền thống của các dân tộc đều không thể sánh nổi với văn hóa Trung Quốc. Nhưng người Trung Quốc của 100 năm gần đây, bởi vì không có ai dạy, chẳng còn ai nói; cũng không có người áp dụng thực tiễn, nên mọi người đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc, cảm thấy vô cùng xa lạ. Nhưng trái lại có một số người nước ngoài, chúng ta còn không bằng nổi họ, họ có sự nhận thức đối với văn hóa Trung Quốc. Còn chúng ta không biết, đây chính là nguyên nhân động loạn của xã hội Trung Quốc ngày nay.

Thuở chúng tôi còn trẻ, có duyên thân cận với Tiên sinh Hồ Thu Nguyên, đây cũng là một nhà sử học của Trung Quốc. Ông rất am hiểu về lịch sử Trung Quốc, chúng tôi có thỉnh giáo với ông: “*Trung Quốc gặp phải kiếp nạn lớn đến như vậy, là do nguyên nhân gì?*”. Ông chẳng chút do dự, nói ra một câu: “*Do đánh mất lòng tự tin dân tộc*”, lời này là thật. Ông đã nói ra nguồn gốc căn bản của vấn đề, đánh mất lòng tự tin dân tộc. Vì sao lại đánh mất đi vậy? Bởi do không chịu học nó, không hiểu gì về văn hóa truyền thống Trung Quốc, cũng chẳng hiểu gì về lịch sử Trung Quốc; chỉ biết những nguy nan trước mắt mà không biết. Trung Quốc trong quá khứ, có biết bao lần thái bình thịnh thế, mà không tìm thấy ở nơi nào trên toàn thế giới. Ông bảo, thời kỳ thịnh trị và động loạn ở Trung Quốc; xã hội động loạn với xã hội đại trị 300 năm, là một chu kỳ cho một vòng tuần hoàn. Đây là kết luận được ông rút ra trong quá trình nghiên cứu.

Năm ngàn năm lịch sử của Trung Quốc, ông nói, nó đang tuần hoàn 300 năm là một vòng tuần hoàn, 300 năm thì sẽ có một lần đại trị, một lần loạn lạc, xã hội động loạn. Triều Chu 800 năm, 300 trước xã hội an định, người dân quả thật chung sống hòa mục, hạnh phúc mỹ mãn. 500 năm sau là Xuân Thu Chiến Quốc. Thời kỳ Xuân Thu, những nước chư hầu đối với Thiên tử nhà Chu, trước thì bằng mặt nhưng sau thì ngấm ngầm tạo phản, suy cho cùng vẫn còn một chút nghi kỵ. Nhưng đến thời Chiến Quốc thì không còn nể nang gì nữa, các nước vốn chẳng coi vua nhà Chu ra thể thống gì. Chiến tranh nổ ra giữa các nước chư hầu liên tục không ngừng. Đến đời Tần Thủy Hoàng, lúc đó bảy nước mạnh thời Chiến Quốc, ông diệt hết sáu nước còn lại. Chân thật thống nhất về mặt chính trị, nên được bảo là thiên hạ thống nhất. Thế là mảnh đất Trung Hoa này, đã trở thành một quốc gia thống nhất. Về mặt chính trị thì là một nước, nội bộ không còn đấu đá nhau nữa. Đối với bên ngoài thì gần như chưa từng có chiến tranh qua, chỉ có Hung Nô ở miền Bắc. Vì thế, Tần Thủy Hoàng bèn cho xây dựng tuyến phòng thủ Vạn lý Trường thành, nhằm ngăn chặn Hung Nô. Việc này đã khởi lên tác dụng rất lớn những nước xung quanh miền Nam và miền Tây. Bởi vì, người Trung Quốc thường nói đến nhân nghĩa. Nói đến đạo đức, nói đến chữ tín nên họ đều bội phục, tự động đến quy phục; xưng là thần đối với Hoàng đế Trung Quốc; chứ chưa từng sử dụng vũ lực bao giờ. Trước giờ vốn chưa hề phát sinh chiến tranh, đó là nhờ luân lý, đạo đức, văn hóa.

Cho nên, Thang Ân Tỉ cũng đang suy nghĩ, làm sao để cứu vãn thế giới ngày nay. Ông nói đó là chuyện rất có khả năng làm được, giống như Trung Quốc thời Xuân Thu Chiến Quốc vậy. Do một nước đứng ra thống nhất, kiến lập chính phủ thế giới, quốc gia thế giới. Mỗi nước đều phải nghe lời đối với quốc gia thế giới, ông có cách nghĩ này. Cách nghĩ này hoàn toàn là nhìn thấy từ thời Xuân Thu Chiến Quốc, cho đến đời Tần-Hán của Trung Quốc. Ông nhờ giai đoạn lịch sử này mà có được một sự khải thị. Loại thống nhất này không phải về mặt vũ lực, không phải chính trị, cũng không phải khoa học kỹ thuật; mà là văn hóa, luân lý và đạo đức. Loại văn hóa này theo như tôi thấy, chính là Quần Thư Trị Yếu do Đường Thái Tông biên soạn.

Quần Thư Trị Yếu là vào trước đời nhà Đường, từ Tam hoàng Ngũ đế đến triều Đường, trong 2500 năm. Đến sau đời nhà Đường, những điển tịch xuất sắc ưu việt có cũng không ít. Quần Thư Trị Yếu đến hiện nay, có thể được soạn thành một quyển tục biên. Từ sau triều Đường đến hiện nay, cho soạn tiếp một bộ tục biên từ sau đời nhà Đường. Triều Đường rộng lớn hoàn toàn là áp dụng Quần Thư Trị Yếu, mở ra thời kỳ Trinh Quán Chi Trị. Quy chế pháp luật của nhà Đường duy trì mãi đến triều nhà Thanh, mãi cho đến trước đời vua Càn Long. Trong giai đoạn một ngàn năm này, điển tịch cùng với lịch sử trong một ngàn năm này, có rất nhiều giáo huấn đặc sắc, ưu việt. Tôi nghĩ đến rồi nhưng tôi không làm nổi nữa, tuổi tác quá lớn rồi, tinh thần lẫn sức lực không kham nổi. Tôi hy vọng có những người trẻ tuổi, việc này do quốc gia đến làm là tốt nhất, có thể kiến nghị với trường Đảng. Trường Đảng sẽ cho soạn một bộ tục biên Quần Thư Trị Yếu, để văn hóa truyền thống Trung Quốc có được một bộ tinh hoa đúng chuẩn, trở thành tinh hoa của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Nửa bộ đầu Đường Thái Tông đã hoàn thành rồi, còn nửa bộ sau hy vọng trường Đảng sẽ làm tiếp vào đó. Ngay đây, kẻ trên người người dưới đều hạ công phu, văn hóa Trung Quốc liền được phục hưng; thật sự có thể cứu toàn thế giới.

Chúng ta tiếp tục xem phần tiếp theo: “C**hỉ do duyên mà có nhiễm hay tịnh, nhưng pháp bị biến đổi thì lại có nhiễm hay tịnh khác biệt**”. Cho nên, tịnh hay nhiễm là nằm ở “duyên” chứ không phải ở “thể”, *thể* là thuần thiện vô nhiễm. “**Sách Hội Sớ lại viết: Bồ Tát có hai thứ trí. Trí làm căn bản cho hết thảy hạnh tu**”, hai loại trí này chính là đại căn đại bổn của việc tu hành. “***Những gì là hai? Một là như lý trí, chiếu soi bản tánh các pháp***”. Bản tánh các pháp “***chẳng một, chẳng khác, chẳng sanh, chẳng diệt thì gọi là thông các Pháp tánh***”. Loại thứ hai là: “***Như lượng trí chiếu soi tướng khác biệt của chúng sanh***”. *Thù* (殊) có nghĩa là nhiều loại, *ý* là hiện tướng của chúng sanh nhiều loại khác biệt; “***mê, ngộ, phàm, thánh đều khác; đây gọi là đạt chúng sanh tướng***”, như lượng trí là đạt chúng sanh tướng.

“**Như vậy, thông chư Pháp tánh là căn bản trí, đạt chúng sanh tướng, là sai biệt trí**”. Ở đây lại có hai danh từ khác nhau, “*như lý trí*” chính là “*căn bản trí*”; còn “*như lượng trí*” là “*sai biệt trí*”. Như lý trí là chỉ cho Pháp tánh, như lượng trí là chỉ cho vạn pháp. Huệ Năng Đại sư nói một câu sau cùng là: “***Nào ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp***”. Biết được vạn pháp, đây là sai biệt trí; còn biết được công đức của tự tánh là căn bản trí. Nhất định phải có căn bản trí trước đã, sai biệt trí là do từ trong căn bản trí lưu xuất ra. Căn bản trí là trí huệ bát nhã vốn đầy đủ của tự tánh, trong kinh Bát Nhã bảo là bát nhã vô tri, đó là căn bản trí. Vô sở bất tri là hậu đắc trí, cũng chính là như lượng trí; cái mà Phật giáo mong cầu chính là trí huệ. Con người hiện nay điên đảo rồi, họ không biết căn bản trí mà chỉ cầu lấy trí thức. Căn bản trí là vô tri mà vô sở bất tri, tri thức là hữu tri mà hữu sở bất tri. Những gì thuộc trong phạm vi mà bạn nghiên cứu thì bạn biết, còn ra ngoài phạm vi ấy thì bạn chẳng biết chút gì. Lý niệm và phương pháp giáo học của phương Đông, không giống như hiện thời.

Hiện giờ chúng ta đã từ bỏ mất lý niệm dạy học của Lão tổ tông mất rồi, chạy theo học của phương Tây. Đó chính là cầu tri thức, chẳng có trí huệ. Phương Đông mấy ngàn năm nay, nền giáo dục mà người xưa tiếp nhận, đều là cầu giáo dục trí huệ chân thật. Sự nghiệp giáo dục ở Trung Quốc trước kia do gia đình phụ trách, quốc gia không chịu cái trách nhiệm này. Quốc gia chỉ đứng ra tổ chức thi cử, mỗi năm huyện tổ chức thi một lần, thi đỗ rồi thì trở thành tú tài. Tỉnh thì một năm rưỡi đến hai năm tổ chức một lần, thi đỗ rồi thì là cử nhân. Đến kỳ thi đình của quốc gia, quan chủ khảo là Hoàng thượng, ba năm mới tổ chức một lần, thi đỗ thì gọi là tiến sĩ. Tiến sĩ, cử nhân, tú tài đều là danh xưng của học vị, giống như trong trường đại học hiện tại vậy. Tú tài là học sĩ, tốt nghiệp đại học là học sĩ, cử nhân là thạc sĩ, tiến sĩ là bác sĩ. Đến đầu đời Dân Quốc, có rất nhiều sinh viên từ Trung Quốc ra nước ngoài du học, rồi lấy được bằng tiến sĩ; sau đó trở về Trung Quốc, xưng là tiến sĩ tây dương; không phải tiến sĩ của Trung Quốc, mà là của tây dương. Thi đỗ rồi thì liền có công danh, sau khi đỗ đạt quốc gia sẽ chăm lo cho bạn. Để bạn được an tâm, bổng lộc vào thời đó cũng không phải là ít.

Bạn xem, chúng ta thấy trong Liễu Phàm Tứ Huấn, Tiên sinh Liễu Phàm là một tú tài. Mỗi năm, ông được quốc gia cấp cho hơn 90 thạch gạo; ăn không hết, ăn không hết thì có thể đem đi bán lấy tiền. Trung Quốc xưa kia, đất nước cấp phát toàn là đồ ăn với lương thực. Cho nên, cuộc sống cơ bản của bạn chẳng cần phải lo; chỉ cần tuân thủ quy tắc, chăm chỉ đọc sách là được. Tiếp tục học thêm một, hai năm là tham gia kỳ thi tỉnh; lại học thêm ba năm, năm năm thì tham gia kỳ thi đình. Trong mạng của Tiên sinh Liễu Phàm chỉ đỗ đến tú tài, tú tài cũng phải chia ra cấp bậc. Trong mạng ông không có số đạt đến tiến sĩ, cũng chẳng có số đỗ cử nhân; làm quan chỉ làm được một huyện trưởng ở một cái huyện nhỏ. Khổng Tiên sinh bói mạng nói với ông rằng, mai này ở Tứ Xuyên có một huyện nhỏ, ông sẽ đến đó là huyện trưởng; đến 53 tuổi thì mất. Bảo ông, đến năm 53 tuổi thì phải từ quan trở về quê nhà, nhắm mắt xuôi tay.

Đại sư Vân Cốc giúp ông cải tạo vận mạng, trong Liễu Phàm Tứ Huấn, đoạn truyện này được viết rất rõ. Mạng của ông đã được Khổng Tiên sinh đoán chắc trong vòng 20 năm; kể từ khi ông 15 tuổi được Khổng Tiên sinh đoán mạng, vậy là đến năm 35 tuổi là 20 năm. Kỳ thi mỗi năm đạt được hạng mấy, tham gia thi cử nhận được bao nhiêu bổng lộc, quốc gia cho ông bao nhiêu lương thực, một chút cũng không sai. Cho nên, ông hoàn toàn tin rằng con người quả thật có số mạng. Người xưa bảo là: “***Cả đời là do mạng***”, đều do số mạng đặt định; “***nửa điểm chẳng do người***”, bản thân bạn chẳng có cách gì thay đổi được. Vì vậy, cái gì ông cũng không nghĩ, vạn duyên buông xả. Tâm địa thật sự rất thanh tịnh, không có tạp niệm.

Lúc đến bái phỏng Thiền sư Vân Cốc, đó là một vị đại thiện tri thức vào thời đó, là người rất nổi tiếng; ông cùng với Thiền sư Vân Cốc ngồi tọa thiền trong thiền đường, ba ngày ba đêm chẳng khởi lên một ý niệm nào. Thiền sư Vân Cốc rất bội phục ông, chuyện này chẳng dễ gì. Suốt ba ngày ba đêm mà chẳng mống lên bất kỳ vọng tưởng nào, bèn thỉnh giáo với ông: “*Anh được vị đại đức nào chỉ dạy, anh dụng công thế nào mà ba ngày ba đêm chẳng khởi lên một vọng niệm nào*”. Ông rất thành thật, ông nói: “*Kể từ khi tôi 15 tuổi, Khổng Tiên sinh đã đoán mạng cho tôi, đã sắp xếp bát tự năm sanh tháng hạn của tôi rồi. Suốt 20 năm qua chẳng hề sai một li nào, tôi tin số mạng đã được định sẵn. Cho nên, nghĩ cũng bằng thừa, chỉ là vọng tưởng; nên dứt khoát chẳng lo nghĩ gì cả*”. Thiền sư Vân Cốc nghe vậy, bèn lớn tiếng cười. Viên Liễu Phàm lấy làm kinh ngạc: “*Vì sao Ngài lại cười tôi?*”. Vân Cốc bảo: “*Tôi tưởng anh là Thánh nhân, hóa ra vẫn chỉ là phàm phu*”. Ông rất không phục: “*Sao tôi lại là phàm phu chứ?*”. Thiền sư Vân Cốc liền nói: “*Khổng Tiên sinh đoán mạng cho anh, 20 năm đều không đổi, một chút cũng không sai. Anh đúng mà phàm phu chính hiệu. Vì sao? Vì anh có thiện niệm thì được thêm vào, còn như có ác niệm thì bị giảm đi; 20 năm anh chẳng tăng cũng chẳng giảm, không thêm cũng chẳng bớt, hoàn toàn đi theo sự an bài của vận mạng. Anh không là phàm phu thì còn ai phàm phu vào đây!*”.

Ông cảm thấy kỳ lạ, chẳng lẽ mạng có thể đổi sao? Thiền sư liền bảo: “*Đương nhiên là có thể đổi*”, mạng do đâu mà có? Mạng là do những nghiệp nhân của anh tích lũy được trong đời quá khứ”, do đó mà có mạng. Thế thì làm sao mà đổi? Hành thiện, làm ác đều có thể làm vận mạng thay đổi. Nếu như làm ác, mạng của anh càng ngày sẽ càng đi xuống; nếu như hành thiện thì mạng anh càng ngày càng tốt. Sao không thể đổi được chứ! Thế nên bèn tặng cho viên Liễu Phàm một quyển công quá cách, dạy ông mỗi ngày “đoạn ác, tu thiện”, đều ghi vào quyển sổ này; mỗi ngày làm được bao nhiêu việc thiện, gây ra bao nhiêu điều ác. Ác thì mỗi tối phải sám hối, thiện thì ngày mai phải tiếp tục thực hiện.

Ông thật lòng phát tâm, y theo những gì Thiền sư dạy bảo mà làm. Đến năm thứ hai tham gia thi cử, thì không còn đúng nữa. Khổng Tiên sinh đoán ông chỉ thi đỗ được hạng ba, nhưng ông đã đỗ hạng nhất. Đây chính là hiệu quả nhờ “đoạn ác, tu thiện”, ông liền có niềm tin, dốc lòng làm. Ông phát ra một đại nguyện, phải làm được ba ngàn việc thiện; ba ngàn việc thiện cần mười năm mới có thể hoàn thành. Ông phát nguyện phải thi đỗ cử nhân, trong mạng ông không hề có nhưng ông thi đậu rồi. Nhờ đó, tín tâm mới ngày càng mạnh mẽ hơn. Trong mạng ông không có con, hai vợ chồng ông “đoạn ác, tu thiện” cầu con. Kết quả, có được một đứa con trai nối dõi tông đường. Bản thân ông tuy chỉ có một đứa con trai duy nhất, nhưng đứa con này lại sanh cho ông đại khái đến tám, chín đứa cháu. “Nhân đinh hưng thịnh” từ đó về sau, toàn gia đều “tu thiện, tích đức”. Không những không dám làm ác, mà ngay cả ác niệm cũng không dám khởi. Khởi tâm động niệm đều là thuần tịnh, thuần thiện. Thật sự tin tưởng mạng vốn do mình tạo, đương nhiên tự mình có thể sửa. Để người khác đổi cho bạn, đó là giả, chẳng phải thật. Thiền sư Vân Cốc không gạt người, Ngài là một vị đại đức chân chính trong Phật môn. Ngài dạy bạn chánh pháp, dạy ông khiến gia đình ông “nhân đinh hưng thịnh”. Làm gì có chuyện cầu không được!

Chúng tôi ở Mỹ, chính mắt nhìn thấy, chính tai nghe được, Tiên sinh Chu Quảng Đại mắc phải ung thư thời kỳ cuối. Người nhà ông tìm đến chúng tôi, hình như là được bốn, năm ngày. Chúng tôi đến nhà ông xem ông thế nào, thấy ông quả thật là không được nữa rồi, bèn kể với ông về Thế giới Cực Lạc. Khuyên ông niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Ông vừa nghe liền hoan hỷ, liền rất vui mừng. Cả đời chưa từng tín ngưỡng bất kỳ tôn giáo nào, vậy mà phút lâm chung gặp được chúng tôi. Đồng học bên đó của chúng tôi, lúc đó cũng vừa mới thành lập hội Phật giáo, số người không nhiều, tổng cộng chỉ có khoảng ba mươi mấy người; chúng tôi tìm được 12 người. Mọi người nhín chút thời gian luân phiên nhau giúp ông trợ niệm, ngày đêm không gián đoạn. Cứ một nhóm bốn người, buổi sáng ba nhóm, buổi tối ba nhóm, niệm suốt ba ngày ba đêm thì ông vãng sanh. Ông không phải là một lão tu hành, kể từ lúc nghe được Phật pháp cho đến lúc vãng sanh là ba ngày, chứng tỏ câu kinh: “**Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày**”, được nói trong kinh A Di Đà là thật, không hề giả. Điều này đã cho chúng ta một tín tâm rất lớn.

Hội Phật giáo Hoa Phủ, tôi quen biết Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là vào lúc đó năm 84, năm 1984. Niệm Lão vào năm đó, nhận lời mời của đồng tu ở Mỹ, cũng là hội Phật giáo Hoa Phủ của chúng tôi. Chúng tôi thành lập một cơ cấu, đồng tu mời Ngài đến Mỹ truyền Mật pháp, Ngài là Kim Cang Thượng sư của Mật tông. Lúc đó tôi sợ Ngài đến sẽ làm loạn tâm mọi người, vì chúng tôi là người niệm Phật, lại mời một bậc Thượng sư trong Mật tông đến, e là khó lắm. Sợ rằng đạo tràng không thể chuyên nhất, tôi liền hỏi mọi người: “*Vị Thượng sư này danh tánh tên chi? Xưng hô ra làm sao?*”. Họ nói với tôi: “*Ngài ấy là Hoàng Niệm Tổ*”. Tôi nghe được cái tên này, cái tên này thiệt là quen, đã từng nghe qua ở đâu rồi. Về sau nghĩ lại, hình là Lão sư Lý trong lúc nói chuyện với chúng tôi có nhắc đến. Ngài là cháu bên ngoại của cụ Mai Quang Hy, là người học Phật rất tốt. Mai Quang Hy là thầy của Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, Phật pháp của Lão sư Lý là do học được với cụ Mai Quang Hy; còn Tịnh độ thì học với Ấn Quang Đại sư. Cho nên quan hệ rất mật thiết, tôi nhớ ra rồi bèn nói: “*Ngài ấy có phải là cháu bên ngoại của cụ Mai Quang Hy không?*” - “*Đúng vậy ạ!*” - “*Vậy là học trò của cụ Hạ Liên Cư phải không?*” - “*Đúng vậy*”. Tôi nói: “*Vậy thì mời Ngài ấy đến đi, tôi cũng muốn gặp Ngài ấy*”.

Chúng tôi vốn dĩ cho rằng, Ngài ấy đã không còn trên cõi đời nữa rồi, cứ ngỡ Ngài rất già rồi. Kết quả không ngờ khi gặp được Ngài, thì Ngài cũng chẳng già lắm; Ngài đại khái lớn hơn tôi khoảng mười tuổi, chứ không nhiều lắm. Lúc đó, Ngài mới hơn 70, còn tôi thì hơn 60. Không ngờ Ngài vẫn còn sống, không ngờ chúng tôi vẫn còn cái duyên này. Cứ như thế mà gặp được nhau, đây đúng thật là do Phật Bồ Tát an bài. Lúc đó, bộ Đại Kinh Giải của Ngài vừa mới hoàn thành; mới hoàn thành bản thảo. Ngài mang theo một bộ, đó là bản được in bằng giấy dầu; chúng tôi rất quen với kiểu in bằng giấy dầu này, người ta khắc chữ lên bản kẽm rồi cho in lên giấy dầu. Đại khái chỉ có thể in được một trăm quyển, hơn 100 quyển thì chữ liền rất mờ, không còn nhìn rõ nữa. Đây có lẽ là quyển tốt nhất, Ngài chọn một quyển rõ nhất mang sang Mỹ, quyển này lúc đó Ngài đã tặng cho tôi. Tôi cũng đang vội phải quay về lại Dallas, bởi vì đã hứa là sẽ trở về Đài Loan. Tôi mang về Đài Loan, coi qua thật kỹ một lần, thật hoan hỷ vô cùng. Tôi liền liên lạc với Ngài, hỏi xem: “*Ngài có bản quyền không*”, Ngài nói: “*Thầy hỏi vậy là có ý gì?*” - “*Nếu không có bản quyền, tôi sẽ cho Đài Loan in ấn, tôi sẽ xuất bản cho Ngài. Còn nếu có bản quyền, tôi sẽ tôn trọng Ngài*”. Ngài nói: “*Không có bản quyền*”, còn muốn tôi viết lời tựa cho Ngài, còn muốn tôi đề chữ lên đó.

Cho nên, chúng tôi ở Đài Loan cho in mười ngàn bộ; lần đầu cho in mười ngàn bộ sách đóng bìa cứng, vô cùng hoan hỷ. Sau đó mấy năm, mỗi năm đều cho tu đính một đến hai lần, bổ sung thêm vào. Bổ sung thêm vào bộ phận liên quan đến khoa học, đây là phần không có trong bản thảo thuở đầu, trở thành bản hoàn chỉnh. Lúc đó, giảng bản Hội tập của kinh Vô Lượng Thọ, ở hải ngoại chỉ có một mình tôi, ở trong nước thì chỉ có một mình Ngài. Ngài giảng ở Cư sĩ Lâm, giảng ở Viện Phật học. Sau khi chúng tôi gặp nhau, mỗi năm tôi sẽ đến Bắc Kinh khoảng hai, ba lần, đều là để thỉnh giáo với Ngài. Khái niệm quan trọng nhất, chúng tôi đối với cách nói về Tam thiên Đại thiên Thế giới, đều cho rằng đây là trung tâm của Thái dương hệ; một tiểu thế giới là một Thái dương hệ. Ngài là người học khoa học, Ngài nói với tôi: “*Trên kinh Phật nói về đơn vị thế giới, không phải là Thái dương hệ, mà là Hệ ngân hà. Núi Tu Di là điểm trung tâm của Hệ ngân hà, nhà thiên văn học gọi nó là Lỗ đen. Tứ Đại Thiên Vương trú ở lưng chừng của núi Tu Di, ngay phần eo núi. Một cái hệ ngân hà là một đơn vị thế, giới Thái dương hệ chỉ là một phần nhỏ của cái tiểu thế giới này*”. Chuyện này từ xưa đến nay, Tổ sư Đại đức cũng không có nói rõ; còn về phần sau thì không thành vấn đề.

Một ngàn đơn vị thế giới là một Tiểu thiên thế giới, một ngàn Tiểu thiên thế giới là một Trung thiên thế giới, một ngàn Trung thiên thế giới là một Đại thiên thế giới. Cho nên, trong một Đại thiên thế giới có bao nhiêu đơn vị thế giới? Là mười ức. Một ngàn nhân với một ngàn, lại nhân với một ngàn, là mười ức cái Hệ ngân hà. Một bầu thái không rộng lớn đến như vậy, là khu vực giáo hóa của một vị Phật, chính là giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong đó có một Thế giới Hoa Tạng, là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đại khái là tu những pháp môn khác, đạt đến minh tâm kiến tánh của Thiền tông, Đại Khai Viên Giải bên Giáo hạ, hay Tam mật tương ưng của Mật tông, đều là ở đẳng cấp minh tâm kiến tánh, thảy đều sanh đến Thế giới Hoa Tạng. Hoa Tạng Thế Giới của A Di Đà Phật, không gọi là Hoa Tạng mà gọi là Thế giới Cực Lạc. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Thế giới Cực Lạc, chúng ta đều không nghĩ tới. Cõi Cực Lạc tuy có tên gọi của bốn cõi, nhưng trên thực tế là bình đẳng. Không như nơi này của chúng ta, nơi này của chúng ta không bình đẳng.

Chúng sanh của cõi Đồng Cư không nhìn thấy được cõi Phương Tiện. A La Hán, Thanh Văn, Duyên Giác trong cõi Phương Tiện, chúng ta đều không nhìn thấy. Không thấy được Bồ Tát, Bồ Tát thấy chúng ta, còn chúng ta không thấy được họ. Có duyên phận đặc biệt thì thi thoảng có thể nhìn thấy một lần, có chuyện như vậy. Còn Thế giới Cực Lạc hoàn toàn khác. Tuy có tên gọi của bốn cõi nhưng bốn cõi này hoàn toàn là Pháp tánh Độ, toàn là Pháp tánh thân. Là Pháp giới bình đẳng, chuyện này quá khó được. Vì thế, sanh đến Thế giới Cực Lạc, dẫu cho Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ phẩm hạ sanh, sanh đến Thế giới Cực Lạc “Hoa khai kiến Phật”, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí chính là Bồ Tát của cõi Thật Báo, là Pháp thân Đại sĩ. Mỗi người vãng sanh đều là Pháp thân Đại sĩ, cái này quá thù thắng rồi!

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Dà Phật.**